TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 21-5-2019
V/V "Ly hôn giữa bà C và ông Q, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Võ Thị Kim Sinh
Ông Lê Quốc Tiết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HN ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thủy C Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trần Q. Địa chỉ: ấp C, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-02-2019 và trong quá trình xét xử, bà Nguyễn Thủy C là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Trần Q chung sống với nhau từ năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình cả hai không hợp nhau và mâu thuẫn giữa bà và gia đình bên chồng nên bà và ông Q không sống chung từ tháng 6 năm 2017. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Trần Quy, sinh ngày: 16/11/2009. Hiện con đang sống cùng với bà C, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Trần Q là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà bà Chân không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà C yêu cầu ly hôn với ông Q, Hội đồng xét xử nhận thấy được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành. Ông Q vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông Q có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Q, Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà C và ông Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà C yêu cầu ly hôn với ông Q, ông Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng (vắng mặt không có lý do) điều đó chứng tỏ ông Q cũng không còn quan tâm gì đối với cuộc sống hôn nhân của chính mình theo quy định tại Điều 19, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông Q.

[4] Về nuôi con chung: Giữa bà C và ông Q có con chung tên Nguyễn Trần Quy, sinh ngày: 16/11/2009 (hiện do bà C nuôi dưỡng) bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần Quy, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Để giữ ổn định về mọi mặc điều kiện chăm sóc con chung nên cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con của bà C và cần giao con chung tên Nguyễn Trần Quy cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng con chung, cũng là phù hợp với nguyện vọng của Nguyễn Trần Q muốn sống cùng với bà C theo quy định Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thủy C ly hôn với ông Nguyễn Trần Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Q, sinh ngày: 16/11/2009 cho bà C nuôi dưỡng (hiện do bà C nuôi dưỡng), đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà C đã nộp theo biên lai thu số 0001154 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- UBND xã Q.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí